

Nhóm truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng nhìn từ phê bình Phật học

ISSN: 2734-9195 15:30 03/09/2026

Tính giao thoa và thích nghi cao trong văn hóa biển tạo nên sự tương quan chủ yếu với ba nguyên lý kế cơ, kế thời và kế xứ, phản ánh đặc trưng nổi bật nhất của văn học Hải Phòng khi nhìn từ phê bình Phật học.

*Vận dụng **Phê bình Phật học** kết hợp phê bình văn hóa, đạo đức, lịch sử xã hội và loại hình, bài viết phân tích 52 truyện ngắn tiêu biểu trên báo điện tử Hải Phòng để làm rõ sự chuyển hóa các nguyên lý Phật giáo trong bản sắc văn hóa biển, con người và đời sống địa phương.*

Tóm tắt: Bài báo **nguyên cứu** nhóm truyện ngắn đăng trên báo điện tử Hải Phòng nhằm làm rõ biểu hiện của văn hóa địa phương và tư tưởng Phật giáo trong văn học đương đại. Phê bình Phật học được xác lập như một hướng tiếp cận và phương pháp luận, kết hợp với các phương pháp chuyên ngành như phê bình văn hóa, phê bình đạo đức, lịch sử xã hội và phê bình loại hình.

Đối tượng nghiên cứu gồm 52 truyện ngắn tiêu biểu được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu có chủ đích; văn bản được xử lý bằng phân tích máy sơ bộ và đọc sâu, diễn giải định tính.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các truyện ngắn này phản ánh ba đặc điểm văn hóa nổi bật của Hải Phòng: tính giao thoa và thích nghi của **văn hóa** biển, tính cương trực và trọng nghĩa tình của con người, cùng sự phong phú của di sản lễ hội và ẩm thực; qua đó, các nguyên lý Phật giáo như vô thường, duyên khởi và từ bi được chuyển hóa phù hợp với bối cảnh địa phương theo tinh thần kế lý, kế cơ, kế thời và kế xứ.

Nghiên cứu đồng thời khẳng định vai trò định hướng hiệu quả của Giáo hội Phật giáo Hải Phòng trong 45 năm qua đối với đời sống văn hóa - tinh thần, góp phần tạo nền tảng tư tưởng cho sự hình thành và phát triển của văn học địa phương đương đại.

1. Giới thiệu chung

Trong bối cảnh văn học đương đại Việt Nam chuyển mạnh sang không gian báo chí - **truyền thông số**, truyện ngắn trên báo điện tử đang trở thành một hình thức tự sự linh hoạt, phản ánh trực tiếp đời sống văn hóa - tinh thần địa phương. Hải Phòng, với tư cách là đô thị cảng biển đặc thù, sở hữu hệ giá trị văn hóa riêng, vừa mang tính truyền thống miền Bắc, vừa mở ra sự giao thoa mạnh mẽ với thế giới tạo nên một môi trường tự sự có chiều sâu và tính đặc thù cao.

Trong môi trường đó, Phật giáo, với nguyên lý khế lý - khế cơ - khế thời - khế xứ, cung cấp một khung lý thuyết đặc biệt phù hợp để đọc và lý giải sự thích nghi của văn học địa phương trong điều kiện hiện đại. Đặc biệt, trong hơn 45 năm hình thành và phát triển, **Giáo hội Phật giáo** TP.Hải Phòng đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng đời sống văn hóa - tinh thần cộng đồng, góp phần tạo nên môi trường tiếp nhận và lan tỏa các giá trị Phật giáo trong sáng tác văn học địa phương.

Mặc dù truyện ngắn Hải Phòng đã thu hút được quan tâm của giới nghiên cứu, các công trình hiện nay chủ yếu tiếp cận từ góc độ hiện thực, văn hóa vùng miền hoặc báo chí, chưa có công trình nào tiếp cận hệ thống nhóm truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng từ phê bình Phật học, đặc biệt là đặt trong tương quan giữa văn hóa biển - con người - di sản lễ hội và ẩm thực. Khoảng trống này cho thấy nhu cầu cấp thiết của một hướng nghiên cứu liên ngành, kết hợp lý thuyết **Phật học** với phân tích tự sự địa phương.

Đề tài được lựa chọn dựa trên ba căn cứ có tính bổ sung lẫn nhau: về mặt khoa học, nghiên cứu góp phần mở rộng phạm vi ứng dụng của phê bình Phật học trong nghiên cứu văn học đương đại Việt Nam; về mặt thực tiễn, nghiên cứu làm rõ bản sắc văn hóa Hải Phòng trong hình thức tự sự mới trên nền tảng số; về mặt giáo dục - xã hội, nghiên cứu khẳng định vai trò của Phật giáo và Giáo hội Phật giáo Hải Phòng trong việc định hướng **giá trị đạo đức** và nhân văn cộng đồng.



Tiếng Chuông trên dòng Nguyệt Giang

"Tiếng Chuông trên dòng Nguyệt Giang" của Linh Châu khắc họa hành trình vượt lên số phận của Chuông - chàng trai mang di chứng chất độc màu da cam nhưng chưa bao giờ đầu hàng nghịch cảnh.



Giọt mồ hôi thầm lặng



Tám huân chương đồng đội

Ảnh chụp màn hình từ báo điện tử Hải Phòng.

Đối tượng nghiên cứu là nhân vật, bối cảnh, biểu tượng 52 truyện ngắn đăng trên báo Hải Phòng từ 2025-2026 trong tương quan đặc điểm văn hóa Hải Phòng, được tiếp cận từ góc độ phê bình Phật học.

Khảo sát sơ bộ (đọc máy), bước đầu, cho thấy trong 52 truyện, có 7 truyện nhắc gọi trực tiếp đến không gian thờ tự, lễ tiết và thuật ngữ Phật giáo, và 7 truyện vận dụng triết lý Phật giáo ở cấp độ tư tưởng và hành động nhân vật cho thấy dấu ấn Phật giáo thấm thấu vào tự sự địa phương không phải như một lớp phủ tôn giáo, mà như một hệ quy chiếu đạo đức nhân văn nội sinh.

Ngoài ra 10 truyện ngắn có thể được lý giải từ nguyên lý khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ của Phật giáo; 28 truyện được xác định là chưa có cơ sở liên hệ. Kết quả khảo sát sơ bộ thể hiện ở bảng sau:

Nhắc trực tiếp Phật giáo	Có dấu ấn Phật giáo	Nhóm tiếp cận nguyên lý Phật giáo	Nhóm khó/chưa liên hệ
Nơi giao hòa, Ký ức mẹ gieo, Khoảnh khắc vàng, Đi thêm một bước, Cứu ông sếp trần hói, lông mày rậm, Chết lính giải phóng.	Khi người đàn ông bội bạc đến làng Mâm yên bình, Trồng hội làng Xoan, Phép màu sau giông bão, Mùa xuân hoa nở trên tay, Những mầm đá nở hoa, Hành trình của yêu thương, Sợi thời gian.	Sau mưa, Phi điệp nở hoa, Ngọn đèn không tắt, Hạt giống trên núi, Sau một trò chơi ngấu hừng, Khát vọng biển, Chuyện tình vài thiếu, Tết tình yêu, Thư viện niềm vui, Con đường mùa xuân.	Mùa sen hồng quê Bác, Người giữ sao, Tấm Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng của mẹ tôi, Ngày nắng lên, Tôi phải trở về Lai Vu, Ước mong nẫu rượu cho nguyên thủ quốc gia, Trái tim của nhà máy, Cùng anh về vùng biển thức, Giấc mơ biển đảo, Ngọn lửa và niềm tin, Ông Dân, Qua mùa bão, Nơi bầy ong trở lại, Sự nhầm lẫn đáng yêu, Hương vị yêu thương, Hoa hạnh phúc, Giữ lửa chờ xuân, Khua mái chèo xuân, Chạy về phía mùa xuân, Đi giữa mùa xuân, Hương còn vương kẽ tay, Mùa gặt tháng Mười, Ngay thẳng, Nghề báo, Tấm thẻ nhân cách, Lời hứa, Nơi ấy là cửa biển
07	07	10	28

Bảng 01. Kết quả khảo sát sơ bộ 50 truyện ngắn năm 2025-2026 báo Hải Phòng trong tương quan Phật giáo



Hình 01. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ truyện ngắn đăng trên báo Hải Phòng trong tương quan Phật giáo.

Kết quả khảo sát sơ bộ 52 truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng cho thấy dấu ấn Phật giáo hiện diện ở các cấp độ khác nhau với tỉ lệ phân bố đáng chú ý. Theo đó, có 13% truyện nhắc gọi trực tiếp các yếu tố Phật giáo, 13% mang dấu

ấn Phật giáo ở tầng tư tưởng và nhân sinh quan, 19% có khả năng tiếp cận từ phê bình Phật học khi áp dụng khung lý thuyết phù hợp, và 55% thuộc nhóm khó liên hệ với Phật giáo theo cách đọc thông thường.

Phân bố này cho thấy giáo lý Phật giáo không hiện diện trong văn học Hải Phòng theo dạng giáo huấn trực tiếp, mà đã trải qua quá trình “văn học hóa” - tức là được chuyển hóa thành tâm lý nhân vật, tình huống truyện và hệ giá trị đạo đức ngầm ẩn tạo nên màu sắc Phật giáo riêng biệt của văn học đất cảng trong bối cảnh hiện đại hóa và đô thị hóa mạnh mẽ.

Đáng chú ý, khi cộng gộp cả ba nhóm có liên hệ Phật học, tỉ lệ lên đến 45% tổng số văn bản khảo sát, đây là cơ sở văn bản xác thực để khẳng định tính khả thi của hướng nghiên cứu này.

Hơn nữa, việc 55% truyện thuộc nhóm “khó liên hệ” không nên được hiểu là giới hạn của đối tượng, mà ngược lại, đặt ra yêu cầu của một bước đọc sâu hơn, tức vận dụng phê bình Phật học như một phương pháp phê bình mới, không chỉ truy tìm dấu vết tôn giáo bề mặt, mà còn khai mở các tầng nghĩa tiềm ẩn về vô thường, nhân quả, từ bi và vô ngã ngay trong những tác phẩm tưởng như hoàn toàn thế tục, từ đó làm lộ diện chiều sâu Phật học của toàn bộ dòng chảy tự sự địa phương.

2. Lịch sử nghiên cứu đề tài

Nhóm nghiên cứu về văn hóa Hải Phòng đã xây dựng một nền tảng tư liệu đồ sộ, từ những công trình mang tính tổng quát như *Địa chí Hải Phòng* (1990) đến các nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa biển của Nguyễn Thị Hà Anh (2010) và Hoàng Thị Mỹ (2024). Các tác giả như Ngô Đăng Lợi (2007) và Võ Thị Thu Hà - Đỗ Thị Ngọc Thắng (2024) đã khẳng định Phật giáo là thành tố hữu cơ in đậm trong tâm thức và lối sống “ăn sống nói gió”, nghĩa hiệp của người dân nơi đây.

Tuy nhiên, một khoảng trống nghiên cứu lớn hiện nay là các công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ lịch sử, dân tộc học hoặc du lịch mà chưa chú trọng đến sự chuyển hóa của các giá trị văn hóa này vào dòng chảy văn học số.

Điều này đặt ra câu hỏi: Làm thế nào bối cảnh lịch sử - địa lý đặc thù của một đô thị cảng lại định hình nên những sắc thái riêng biệt của tư tưởng Phật giáo trong văn chương?

Từ đó, chúng tôi đưa ra giả thuyết rằng truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng thể hiện ba đặc điểm văn hóa gồm giao thoa, cương trực, phong phú; đồng thời phản ánh sự thúc đẩy thích nghi qua bối cảnh lịch sử địa lý, nơi giáo lý không

còn là những triết lý khô khan mà trở thành điểm tựa tinh thần sống động để cư dân đối diện với những biến động thời đại.

Nhóm nghiên cứu về nghệ thuật truyện ngắn tập trung khảo sát những biến đổi về tư duy thể loại và bút pháp nghệ thuật trong bối cảnh hiện đại. Nguyễn Xuân Thành (2020) đã chỉ ra những cách tân về kết cấu giễu nhại và tình huống truyện nhằm mô hình hóa đời sống thực tại đầy nghịch lý. Bên cạnh đó, các nghiên cứu của Nguyễn Thành Trung (2025, 2026) về truyện ngắn *Trăm Ngàn* (2024) của Ngô Tú Ngân đã mở rộng phạm vi sang việc đối chiếu văn bản văn học đương đại với kinh điển Phật giáo. Dẫu vậy, việc khảo sát truyện ngắn trên các nền tảng báo chí địa phương, một môi trường tiếp nhận có tính tương tác cao vẫn là một khoảng trống cần được lấp đầy.

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Trong một không gian nghệ thuật chú trọng tính hiện thực và đời tư, làm thế nào các giá trị đạo đức Phật giáo được chuyển tải mà không rơi vào giáo huấn? Chúng tôi đề xuất giả thuyết rằng các tác phẩm này thể hiện chân lý qua hình tượng nhân vật đạo đức, nơi “Phật tính” được hiện thực hóa qua những con người bình thường, luôn sẵn lòng “nhường cơm xẻ áo” và bảo vệ lẽ phải giữa đời thường.

Nhóm nghiên cứu về phê bình Phật học trong văn học đang dần hình thành một hệ thống lý luận mới, tiêu biểu qua các công trình của Nguyễn Thành Trung (2021, 2023, 2025). Tác giả đã vận dụng các phạm trù như tính nhất nguyên, phổ quát và thường hằng của *Kinh Pháp Hoa*, hay tinh thần hiếu đạo của *Kinh Vu Lan* để giải mã các văn bản thơ và truyện ngắn.

Mặc dù phương pháp phê bình Phật học được hiểu là dùng tư tưởng và nghệ thuật Phật giáo để giải quyết các vấn đề văn học, nhưng đối tượng khảo sát hiện nay vẫn chủ yếu là các tác giả lớn hoặc văn bản kinh điển, chưa quan tâm đúng mức đến “nhóm truyện ngắn” có tính cộng đồng trên không gian mạng.

Thực tế này dẫn đến câu hỏi: Làm thế nào các biểu tượng Phật giáo truyền thống được mã hóa lại để tương thích với thẩm mỹ của độc giả thời đại số? Giả thuyết của chúng tôi là nhóm truyện ngắn Hải Phòng đã thực hiện việc bảo tồn giáo lý qua biểu tượng thích nghi thời đại, sử dụng các hình ảnh, hoàn cảnh, ý nghĩa đặc trưng như các biểu tượng và ý nghĩa mới để chuyển tải các thông điệp về Nhân quả và Vô thường một cách tự nhiên và sâu sắc.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Phê bình liên ngành và phê bình văn hóa

Bài báo này vận dụng phương pháp phê bình liên ngành (*interdisciplinary criticism*) kết hợp với phê bình văn hóa (*cultural criticism*) - một hướng tiếp cận được Julie Thompson Klein hệ thống hóa lần đầu tiên trong công trình *Interdisciplinarity: History, Theory, and Practice* (Wayne State University Press, 1990). Klein định nghĩa liên ngành không đơn thuần là sự kết hợp cơ học giữa các ngành, mà là tư duy xuyên hệ hình (*cross-paradigmatic thinking*), cho phép tích hợp các khung nhận thức khác nhau để giải quyết các vấn đề mà một ngành đơn lẻ không thể giải quyết thỏa đáng.

Song song đó, phê bình văn hóa được Stuart Hall phát triển từ truyền thống Birmingham Centre for Contemporary Cultural Studies (thập niên 1970-1980) cung cấp công cụ phân tích cách thức các hệ giá trị, diễn ngôn và thực hành văn hóa được mã hóa, lưu chuyển và tái nghĩa hóa trong các không gian xã hội cụ thể. Ứng dụng vào bài viết, phê bình liên ngành và văn hóa hình thành hệ thao tác và thủ pháp cơ bản bao gồm: (1) đọc văn bản văn học qua lăng kính hình thức biểu đạt; (2) phân tích hệ giá trị Phật học như một trường nghĩa độc lập; (3) khảo sát bối cảnh nhân học, không gian cảng biển đô thị Hải Phòng như một môi trường văn hóa có tính đặc thù. Ưu điểm của phương pháp là khả năng nhận diện các cơ chế biến hình, thích nghi và tồn tại của tư tưởng Phật giáo trong bối cảnh hiện đại hóa, vượt qua giới hạn của phân tích văn học thuần túy; tuy nhiên cũng tiềm ẩn nguy cơ phân tán tầm nhìn nếu thiếu một trục tích hợp rõ ràng.

Trong bài báo này, phương pháp được vận dụng cụ thể qua việc tiếp cận Giáo hội Phật giáo Tp. Hải Phòng không phải như một tổ chức tôn giáo hành chính, mà như một chủ thể diễn ngôn văn hóa - xã hội, đóng vai trò kiến tạo hệ giá trị nền cho quá trình tiếp nhận và chuyển hóa tư tưởng Phật giáo vào sáng tác văn học địa phương - từ đó nâng tầm phân tích từ mô tả hiện tượng lên lý giải cấu trúc.

3.2 Phê bình đạo đức và lịch sử - xã hội

Bên cạnh đó, bài báo này vận dụng phê bình đạo đức - lịch sử xã hội (*ethical and socio-historical criticism*) để hướng phê bình văn hóa, liên ngành vào vấn đề đạo đức Phật giáo và lịch sử xã hội địa phương. Phương pháp phê bình đạo đức văn học (*ethical literary criticism*) được Nie Zhenzhao (聂珍钊) chính thức đề xuất lần đầu tại Hội nghị Văn học Nước ngoài năm 2004 tại Nam Xương (Trung Quốc) qua tham luận "*Ethical Literary Criticism: A New Approach of Literary Criticism*", và được hệ thống hóa toàn diện trong công trình *Introduction to Ethical Literary Criticism*. Cốt lõi của phương pháp là tiếp cận văn học từ bản chất đạo đức và chức năng giáo hóa, trong đó đạo đức không được hiểu là

chuẩn mực luân lý tĩnh và bất biến, mà là *đạo đức hành động (engaged ethics)* - tức hệ giá trị được kiến tạo và biến đổi trong tương tác lịch sử - xã hội cụ thể.

Các thao tác cơ bản bao gồm phân tích sự kiện đạo đức (*ethical event*), xác định nút thắt đạo đức (*ethical knot*), truy vết đường đạo đức (*ethical line*) trong văn bản, đồng thời đặt văn bản vào ngữ cảnh lịch sử hình thành để đánh giá *lựa chọn đạo đức (ethical selection)* của nhân vật và tác giả.

Ưu điểm nổi bật của phương pháp nằm ở khả năng giải mã chiều sâu nhân văn của tác phẩm, tránh phán xét đạo đức chủ quan bằng cách neo văn bản vào bối cảnh lịch sử - xã hội sản sinh ra nó; tuy nhiên, kết quả là dễ rơi vào thực chứng luận (*positivism*) nếu quá chú trọng ngữ cảnh mà bỏ qua tính tự trị thẩm mỹ của văn bản.

Ở đây, phương pháp này được vận dụng để phân tích các xung đột đạo đức hành động trong văn học Phật giáo nhập thể, đặc biệt là sự va chạm giữa hệ giá trị truyền thống và những biến động do đô thị hóa mang lại, qua đó làm rõ cách văn học kiến tạo và phản tư những lựa chọn đạo đức trong không gian đô thị đương đại Việt Nam.

3.3 Phê bình loại hình và dân gian học

Nghiên cứu này vận dụng phê bình loại hình (*typological criticism*) kết hợp với dân gian học (*folklore studies*), phương pháp được Vladimir Propp hệ thống hóa lần đầu trong *Morphology of the Folktale* (1928) và được Northrop Frye phát triển toàn diện trong *Anatomy of Criticism* (1957), nhằm xác lập các mô thức biểu tượng Phật giáo hóa trong truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

Về thao tác cơ bản, phương pháp này tiến hành phân loại, so sánh và truy nguyên các cấu trúc lặp lại (motif, archetype, type) trong văn bản, từ đó nhận diện sự tiếp nối có hệ thống giữa văn học dân gian - văn học báo chí - tư duy Phật học như một chuỗi truyền dẫn biểu tượng xuyên thời đại.

Ưu điểm nổi bật của phương pháp là khả năng phát hiện tính liên văn bản ở tầng cấu trúc sâu, vượt qua giới hạn đọc bề mặt; tuy nhiên, nhược điểm cần lưu ý là nguy cơ sơ đồ hóa, áp đặt mô thức phổ quát lên các văn bản mang đặc thù văn hóa - lịch sử riêng biệt.

Trong bài báo này, phương pháp được triển khai cụ thể qua việc phân tích các motif tái sinh, vô thường và từ bi trong một số truyện ngắn hiện đại tiêu biểu, xem xét chúng như những biểu tượng kế thừa từ kho tàng truyện dân gian Phật giáo và được tái mã hóa qua ngôn ngữ báo chí - văn chương đương đại.

4. Cơ sở lý thuyết

4.1 Lý thuyết truyện ngắn

Lý thuyết truyện ngắn hiện đại, khi được soi chiếu qua hệ thống tài liệu về văn hóa Hải Phòng và phê bình Phật học, hiện lên như một loại hình nghệ thuật tinh xảo nhằm tạo ra khoảnh khắc giác ngộ (moment of insight) thông qua những lát cắt đời thường thay vì chỉ trần thuật sự kiện.

Thể loại này không cung cấp những khái niệm trừu tượng mà chú trọng vào trải nghiệm tâm linh trực tiếp, bởi như nhà văn Flannery O'Connor đã khẳng định: “Ý nghĩa của hư cấu không phải là ý nghĩa trừu tượng mà là ý nghĩa được trải nghiệm, và mục đích của việc tuyên bố về ý nghĩa của câu chuyện chỉ là để giúp bạn trải nghiệm ý nghĩa đó một cách đầy đủ hơn” (“The meaning of fiction is not abstract meaning but experienced meaning, and the purpose of making statements about the meaning of the story is only to help you to experience that meaning more fully” (Patea, 2012, tr.1)).

Đặc biệt, truyện ngắn cho thấy sự tương thích sâu sắc với Phật học ở tính phi tuyến, ngắn gọn và gợi mở, đóng vai trò như một phương tiện công cụ dẫn dắt người đọc tự bừng ngộ về chân lý thay vì đưa ra các kết luận đạo đức đóng kín.

Chính nhờ cấu trúc gợi mở này, truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng có khả năng chuyển tải các giáo lý về nhân quả và vô thường một cách tự nhiên, giúp người đọc hiện đại đạt tới sự tỉnh thức ngay trong bối cảnh lịch sử - địa lý cụ thể của một đô thị cảng.

4.2 Phê bình Phật học

Phê bình Phật học (Buddhist criticism) được xác lập như một hệ thống diễn giải văn hóa đa diện, vượt thoát khỏi phạm vi tôn giáo thuần túy để trở thành phương pháp luận nghiên cứu văn học liên ngành.

Phương pháp này vận dụng linh hoạt các trục tư tưởng cốt lõi gồm Vô thường - Duyên khởi - Từ bi - Vô ngã và các nguyên lý Khế lý, Khế cơ, Khế thời - Khế xứ để khảo sát sâu sắc các phạm trù ý nghĩa, biểu tượng, nhân vật và bối cảnh (không gian, thời gian) trong tác phẩm. Việc vận dụng các nguyên lý này giúp nhà phê bình làm rõ cách thức giáo lý Phật giáo được tái mã hóa nhằm tương thích với thực tại xã hội và căn cơ của người tiếp nhận thời đại số.

Trong lăng kính đó, văn bản nghệ thuật chỉ đóng vai trò là phương tiện dẫn dắt sự tỉnh thức: “mục đích tối thượng của diễn ngôn là dẫn dắt chúng sinh hướng

đến giác ngộ, trong khi ngôn ngữ và hình thức chỉ đóng vai trò là phương tiện công cụ chứ không phải là cứu cánh tự thân... ‘ngón tay chỉ mặt trăng’” (“the ultimate aim of discourse is to guide beings toward enlightenment, while language and form function as instrumental vehicles rather than ends in themselves... ‘the finger pointing at the moon’”(Trung, 2026, p. 41)). Nhờ vậy, phê bình Phật học không chỉ giải quyết các vấn đề văn chương mà còn kết nối thẩm mỹ với đạo đức nhân sinh trong bối cảnh văn hóa đương đại.

Giả thuyết	PPNC	Đặc điểm văn hóa	Đặc điểm đối tượng	Đặc điểm PBPH	Phương diện nghiên cứu	Ý nghĩa nghiên cứu
Thúc đẩy thích nghi qua bối cảnh lịch sử-địa lý	Phê bình liên ngành và văn hóa	Giao thoa và thích nghi cao trong biến cả	Linh hoạt, vô thường, duyên khởi qua ngoại lai	Khế cơ, khế thời, khế xứ	Không gian-thời gian	Việt hóa Phật giáo, bảo tồn bản sắc toàn cầu hóa
Thể hiện chân lý qua hình tượng nhân vật đạo đức	Phê bình đạo đức và lịch sử - xã hội	Cương trực, khẳng khái, trọng nghĩa tình	Kiên nghị, từ bi, quyết liệt chống bất công	Khế lý, khế cơ	Nhân vật	Lan tỏa giáo lý, xây dựng xã hội gắn kết
Bảo tồn giáo lý qua biểu tượng thích nghi thời đại	Phê bình loại hình và dân gian học	Phong phú bảo tồn lễ hội, âm thực	Đa dạng kết nối truyền thống và hiện đại	Khế thời, khế xứ, khế cơ	Biểu tượng	Khai thác di sản cho du lịch, giáo dục bảo tồn

Bảng 02. Mô hình nghiên cứu của bài viết

5. Kết quả nghiên cứu

5.1 Tính giao thoa - Bối cảnh (không gian thời gian)

Tính thích nghi theo bối cảnh không gian - thời gian (khế cơ, khế thời, khế xứ) được các tác giả truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng chuyển hóa thành logic hành động của nhân vật trong ba chiều thích nghi rõ rệt. Ở chiều *khế xứ* - phù hợp với không gian văn hóa địa phương - nhân vật A Sáy trong *Hạt giống trên núi* (Ninh Lê) lựa chọn các loại cây bản địa như cây dầu, cây sến, cây sa nhân để trồng trên những triền núi dốc vì chúng có rễ sâu, giữ đất chắc, phù hợp với đặc thù địa hình hay sạt lở của vùng cao thay vì áp dụng máy móc các giống cây khác; tương tự, mô hình “lúa - cá” trong *Mùa gặt tháng Mười* (Ninh Lê) được tính toán dựa trên thế mạnh của vùng đất Cửa Đồng, giúp tăng năng suất và giá trị kinh tế trên chính những thửa ruộng bậc thang truyền thống cho thấy tri thức bản địa và điều kiện tự nhiên được tôn trọng như nền tảng của mọi hành động cải tạo.

Ở chiều *khế thời* - phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và thời đại - người dân làng quê vốn “yên phận với đất” trong *Khát vọng biển* (Vũ Kim Liên) nay đã chủ động tiếp nhận các khái niệm của thời đại mới như “chuyển đổi số”, “kinh tế xanh” và “kỷ nguyên phát triển” để đưa sản phẩm nông sản đi xa hơn; còn

trong *Phép màu sau giông bão* (Vũ Thúy Hồng), ngành y học hiện đại với kỹ thuật lưu trữ tinh trùng và thụ tinh ống nghiệm được vận dụng để giải quyết nỗi đau mất mát thời hậu chiến, giúp hồi sinh mầm sống cho người lính đã hy sinh vì Tổ quốc, minh chứng cho khả năng dung hợp giữa giá trị truyền thống và phương tiện hiện đại.

Ở chiều *khế cơ*, phù hợp với căn cơ và tâm lý đối tượng, nhân vật Thành trong *Chất lính giải phóng* (Nguyễn Sỹ Đoàn) nhận thấy cần thay đổi cách giáo dục trẻ em vùng mới giải phóng bằng cách thay những bài hát cũ “rên rỉ, yếu đuối” bằng bài hát vui tươi, khỏe khoắn như “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh” để phù hợp với tâm lý lứa tuổi và xã hội mới; trong khi A Sáy thay vì thuyết phục dân bản bằng lý thuyết khô khan đã chọn cách làm mẫu thành công trên ruộng nhà mình để thay đổi nhận thức cộng đồng theo lối “thấy mới tin”, phù hợp với tư duy thực tế của bà con vùng cao (*Hạt giống trên núi* - Ninh Lê).

Như vậy, ba chiều *khế xứ - khế thời - khế cơ* không tồn tại như những phạm trù giáo lý tách biệt, mà được “văn học hóa” thành hệ thống hành động và ứng xử nhất quán đặt trong bối cảnh nhất định, phản ánh tư duy thích nghi linh hoạt, gắn gửi tinh thần Phật học trong lòng tự sự địa phương đương đại.

Tính giao thoa và liên ngành trong môi trường văn hóa mở là đặc điểm nổi bật thứ hai cho thấy tư tưởng Phật học, đặc biệt là nguyên lý duyên khởi và tinh thần vô ngã trong tiếp xúc văn hóa đã được “văn học hóa” một cách tự nhiên trong truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng. Ở chiều *giao thoa xuyên văn hóa và liên ngành*, kiến trúc sư trẻ Duy Anh trong *Nơi giao hòa* (Lương Đình Khoa) nỗ lực tìm kiếm một “ngôn ngữ kiến trúc mới” cho tỉnh mới sáp nhập bằng cách nghiên cứu sự kết hợp giữa nét trầm mặc của đình chùa cổ miền Bắc (Hải Dương) với sự phóng khoáng, hiện đại của kiến trúc Pháp cổ (Hải Phòng), hành động này tự thân đã là một thực hành giao thoa, trong đó không có hệ giá trị nào bị phủ nhận mà tất cả được dung hợp trong một tổng thể mới; tương tự, dự án bảo tồn di sản thiên nhiên Cát Bà trong *Cùng anh về vùng biển thức* (Vũ Thúy Hồng) không chỉ dừng lại ở sinh học mà còn gắn liền với phát triển du lịch bền vững, lặn biển ngắm san hô và xây dựng hệ thống du thuyền chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, minh chứng cho tư duy liên ngành, trong đó ranh giới giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại được xóa nhòa theo tinh thần bất nhị.

Ở chiều *linh hoạt qua yếu tố ngoại lai và duyên khởi*, nhân vật Vui (người Việt ở Đức) trong *Nơi ấy là cửa biển* (Đặng Thị Thúy) đã kết nối với thầy giáo người Nhật (Kato Hitoshi) để học hỏi kỹ thuật đánh bắt, bảo quản cá ngừ đại dương theo tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm giúp ngư dân Việt Nam vươn khơi bám biển và

xuất khẩu sản phẩm ra thế giới, trong đó yếu tố ngoại lai không bị xem là đối lập mà được tiếp nhận như một duyên lành tạo ra chuyển hóa; sâu sắc hơn, cuộc gặp gỡ định mệnh giữa Hải và Thành trong đám cháy ở *Khoảnh khắc vàng* (Nhưng Vũ) được chính tác giả kiến giải như một “nhân duyên” được sắp đặt từ quá khứ, cha Hải từng cứu gia đình Thành thể hiện tư tưởng duyên khởi trong các mối quan hệ nhân sinh, theo đó mọi giao thoa đều có căn nguyên và mọi kết nối đều mang ý nghĩa nhân quả.

Như vậy, tính giao thoa và liên ngành trong nhóm truyện ngắn này không phải là sự hỗn dung ngẫu nhiên, mà phản ánh một thế giới quan mang tinh thần Phật học: vạn pháp tương sinh, mọi ranh giới đều có thể vượt qua khi hội đủ nhân duyên.

Việt hóa Phật giáo trong tiến trình toàn cầu hóa là một đặc điểm nổi bật của truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, thể hiện qua hai chiều vận động song hành: hòa nhập vào tín ngưỡng dân gian và bảo tồn bản sắc trước áp lực hiện đại hóa.

Ở chiều thứ nhất, Phật giáo trong tự sự Hải Phòng không hiện diện như một hệ thống giáo lý độc lập mà đã hòa tan vào nếp sống và cảnh quan tâm linh dân gian qua nhiều thế hệ: hình ảnh “nhà thờ chùa chiền mọc san sát” bên cạnh những bến sông buôn bán sầm uất trong *Ký ức mẹ gieo* (Trần Thị Hằng) cho thấy không gian Phật giáo và không gian sinh kế cộng đồng đã đan xen thành một thể thống nhất trong ký ức văn hóa làng quê Việt Nam; trong khi đó, việc bà Thảo tham gia phường Xoan tập luyện tại đình làng để chuẩn bị phục vụ lễ hội Đền Hùng trong *Trống hội làng Xoan* (Đỗ Xuân Thu) minh chứng cho sự gắn kết chặt chẽ giữa không gian thờ tự dân gian với các hoạt động văn hóa nghệ thuật cộng đồng – nơi ranh giới giữa Phật giáo, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và sinh hoạt cộng đồng trở nên liên thông và bổ trợ lẫn nhau.

Ở chiều thứ hai, các tác giả đặt bản sắc dân tộc vào thế đối thoại chủ động với toàn cầu hóa thay vì đối lập với nó: nhân vật An trong *Sợi thời gian* (Mai Thị Trúc) ứng dụng kiến thức thời trang hiện đại để phát triển thương hiệu “Lụa Lụa”, đưa các họa tiết thêu tay truyền thống như chim hạc, hoa sen vào những sản phẩm ứng dụng cao cấp nhưng vẫn giữ nguyên “cái hồn” của nghệ thuật thủ công Việt; còn khát vọng đưa rượu làng nghề truyền thống Phú Lương trở thành thương hiệu quốc tế để “các nguyên thủ quốc gia trên thế giới được chạm môi một lần” trong *Ước mong nấu rượu cho nguyên thủ quốc gia* (Nguyễn Sỹ Đoàn) thể hiện ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình vươn ra toàn cầu.

Như vậy, quá trình Việt hóa Phật giáo trong truyện ngắn Hải Phòng không dừng lại ở sự dung hợp tín ngưỡng mà còn vươn tới một tầng ý thức văn hóa cao hơn: lấy giá trị truyền thống — trong đó có tinh thần Phật giáo làm nền tảng bản sắc

để hội nhập, chứ không phải để co cụm hay đồng hóa.

5.2 Tính cương trực - Nhân vật

Hình tượng nhân vật đạo đức - hiện thân của chân lý là trực tự sự trung tâm của nhóm truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, nơi các giá trị Phật học về từ bi, vô ngã và chính hạnh được “văn học hóa” thành phẩm chất và hành động cụ thể của con người đời thường.

Ở tầng biểu hiện cao nhất, chân lý được thể hiện qua sự hy sinh tự nguyện và vô điều kiện khi nhân vật Thành trong *Chất lính giải phóng* (Nguyễn Sỹ Đoàn) đã lấy thân mình đề lên quả lựu đạn để bảo vệ đàn cháu nhỏ ngay giữa thời khắc hòa bình sắp cận kề, thể hiện chân lý về sự hy sinh cao cả và lòng nhân ái không biên giới, một hành động vô ngã đạt đến độ thuần khiết của tâm từ bi Phật giáo.

Ở tầng cương trực và trọng nghĩa tình, các nhân vật đối mặt với mâu thuẫn giữa tình cảm cá nhân và trách nhiệm với sự thật: bà An trong *Ngay thẳng* (Lữ Mai), dù rất biết ơn bác Đôn vì từng cứu mình khi hoạn nạn, vẫn kiên quyết viết bài tố cáo sai phạm tại công trình nạo vét sông Cầu Quan mà bác Đôn có liên quan, vì bà quan niệm “Nếu vì biết ơn mà mẹ làm ngơ trước sự thật... thì cả đời làm báo của mẹ coi như bỏ đi”; cùng chiều đó, ông Việt trong *Con đường mùa xuân* (Nguyệt Đan) kiên định với lý tưởng cống hiến, không ngại gian khổ và những lời bàn tán để vận động làm con đường mới cho nông trường, thể hiện tinh thần “Tuổi cao thì chí càng cao”, một nhân cách khế cơ với thời đại mà vẫn giữ vững căn cốt đạo đức. Ở tầng lớp nghĩa kiên nghị và từ bi chống bất công, các nhân vật thể hiện khả năng hỷ xả và cảm hóa vượt lên trên hận thù; tiêu biểu như bác sĩ Ty trong *Cứu ông sắp trán hói, lông mày rậm* (Đỗ Xuân Thu) đã gạt bỏ nỗi hận thù cá nhân với ông Khắc, người từng hãm hại khiến anh mất việc để tận tâm thực hiện ca mổ cứu sống ông trong tình trạng nguy kịch, vì anh thấm nhuần y đức và triết lý “Cứu một người phúc đặng hà sa”; trong khi chiến sĩ công an Nguyễn trong *Phi điệp nở hoa* (Nguyễn Thu Hằng) kiên quyết từ chối lời nhờ vả “xin” cho học trò vi phạm pháp luật để thượng tôn pháp luật, nhưng sau đó lại âm thầm vào tù thăm nuôi, tặng sách giáo dục và nhận người đó làm con nuôi để cảm hóa, hành động kết hợp giữa chánh hạnh và tâm từ bi đạt đến chiều sâu của giáo lý Phật học.

Nhìn tổng thể, hình tượng nhân vật đạo đức trong các truyện ngắn này không dựng lý tưởng hóa một chiều, mà đặt trong tình huống thử thách căng thẳng giữa cái riêng và cái chung, giữa tình cảm và nguyên tắc, chính sức căng đó làm lộ diện chiều sâu Phật học ẩn tàng trong tự sự địa phương đương đại.



Gió làng chải



Món quà mùa Hạ



Mùa Hạ trắng



Người mở đất

MỚI NHẤT



Phóng viên tập sự

Truyện ngắn "Phóng viên tập sự" của Tài Lương kể về quá trình trưởng thành của một chàng trai trẻ từ khi mới ra trường, gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm cơ hội đến khi trở thành một nhà báo thực thụ.



Lá thư gửi bố

Truyện ngắn "Lá thư gửi bố" của Nguyễn Văn Nhật Thành kể về Tuấn, một cậu bé có bố là chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ ngoài đảo Trường Sa.

ĐỌC NHIỀU

- 1 Món quà mùa Hạ
- 2 Gió làng chải
- 3 Tấm huân chương đồng đội
- 4 Giọt mồ hôi thấm lạnh
- 5 Tiếng Chuông trên đồng Nguyệt Giang

Ảnh chụp màn hình từ báo điện tử Hải Phòng.

Phê bình đạo đức và bối cảnh lịch sử - xã hội là chiều kích nổi bật trong tự sự truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, nơi các tác giả đặt nhân vật và sự kiện vào thế đối lập giữa suy thoái và nhân văn để khai mở những vấn đề đạo đức mang tính thời đại.

Ở bình diện phản biện suy thoái đạo đức, hình tượng nhân vật Cát, kẻ dùng tiền để thao túng và hủy hoại "mảnh hồn làng", trong *Khi người đàn ông bội bạc đến làng Mâm yên bình* (Vũ Thị Huyền Trang) phản ánh sự coi thường các giá trị văn hóa và tình người trong bối cảnh đô thị hóa tràn lan; trong khi hành động tung tin đồn thất thiệt để ép giá nông sản của Thương trong *Chuyện tình vải thiều* (Lương Đình Khoa) phơi bày những góc tối và sự tàn nhẫn của tư duy kinh doanh phi đạo đức trong thời đại mới.

Ở bình diện soi chiếu giá trị nhân văn, câu chuyện về người đàn bà nghèo đi nhặt hoa bị vứt bỏ trong ngày 8/3 để tìm kiếm chút lãng mạn cho mình trong *Hoa hạnh phúc* (Trần Tú) đặt ra sự đối lập day dứt giữa giá trị vật chất và khao khát tinh thần trong những tầng lớp lao động thấp của xã hội; còn hình ảnh ông Tự - người lính già giữ gìn những ngôi sao trên chiếc mũ cối cũ trong *Người giữ sao* (Linh Châu) đặt vấn đề về việc trân trọng ký ức đồng đội và sự hy sinh xương máu trong một thời đại mà những giá trị này có nguy cơ bị lãng quên.

Nhìn từ góc độ phê bình Phật học, các hình tượng và tình huống này không đơn thuần là phê phán xã hội học, mà còn là sự biểu đạt nguyên lý nhân quả nơi tham - sân - si được văn học hóa thành hành động cụ thể, và lương tâm con người được đặt trước thử thách của nghiệp lực thời đại.

Giá trị giáo hóa và tính ứng dụng thực tiễn của tư tưởng Phật giáo được thể hiện xuyên suốt trong truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng qua ba tầng tác động: từ chân lý phổ quát, đến phương pháp tiếp cận con người, và cuối cùng là sự lan tỏa thành cộng đồng đạo đức gắn kết. Ở tầng *khế lý*, triết lý “gieo gió ắt phải gặt bão” được nhân vật Thành trong *Chất lính giải phóng* (Nguyễn Sỹ Đoàn) chiêm nghiệm như một quy luật tất yếu của nhân quả, hướng con người tới lối sống lương thiện để tránh nghiệp báo cho thấy giáo lý Phật học không được trình bày như giáo điều, mà được “văn học hóa” thành bài học nhân sinh rút ra từ chính trải nghiệm sống của nhân vật.

Ở tầng *khế cơ*, giá trị giáo hóa được triển khai không qua thuyết phục lý thuyết mà qua hành động thực chứng: A Sáy trong *Hạt giống trên núi* (Ninh Lê) tự học kỹ thuật và làm mẫu thành công trên ruộng nhà mình để thay đổi tư duy của bà con theo lối “thấy mới tin”, trong khi cô giáo Nguyên trong *Hành trình của yêu thương* (Mai Thị Trúc) nhận ra việc từ thiện bằng tiền chỉ là tạm thời, nên đã hướng dẫn học trò và dân bản cách trồng rau sạch, tăng gia sản xuất để “biết cách tự tạo ra thức ăn”, giúp họ thoát nghèo bền vững, cả hai đều thể hiện tinh thần từ bi trí tuệ: trao công cụ thay vì trao cá.

Ở tầng lan tỏa cộng đồng, hành động của dân bản chung tay góp công, góp sức giúp Duyên trồng lại đồi quế bị cháy, không màng danh lợi mà chỉ vì tình làng nghĩa xóm trong *Ngọn lửa và niềm tin* (Mai Thị Trúc), cùng với ước mơ xây dựng “Thư viện niềm vui” của bé An được cả cộng đồng từ những người thợ mộc đến các tình nguyện viên đồng lòng hiện thực hóa trong *Thư viện niềm vui* (Linh Châu), đã tạo nên những hình mẫu cộng đồng đạo đức mà ở đó thiện nghiệp được gieo trồng và nhân rộng qua từng hành động cụ thể. Như vậy, tính ứng dụng thực tiễn của tư tưởng Phật giáo trong nhóm truyện ngắn này không dừng lại ở chiều cá nhân tu tập, mà mở rộng thành một mô hình giáo hóa xã hội từ dưới lên, nơi mỗi nhân vật vừa là người thực hành giáo lý, vừa là tác nhân lan tỏa giá trị nhân văn trong cộng đồng địa phương.

5.3 Tính phong phú - Biểu tượng và đời sống

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là một trong những chủ đề trung tâm của nhóm truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, được triển khai qua ba chiều biểu hiện: tái hiện lễ hội và ẩm thực truyền thống, xây dựng hệ thống biểu tượng văn hóa, và khai thác di sản phục vụ du lịch - giáo dục.

Ở chiều tái hiện lễ hội và ẩm thực, các tác giả phục dựng di sản phi vật thể với độ chi tiết cao: *Trống hội làng Xoan* (Đỗ Xuân Thu) khắc họa phường xoan làng chuẩn bị chương trình phục vụ lễ hội Đền Hùng với tiếng trống hội rộn ràng,

cùng những làn điệu dân ca, chèo, quan họ được gìn giữ và trình diễn bởi những người con xa quê để vơi đi nỗi nhớ nhà; *Ước mong nấu rượu cho nguyên thủ quốc gia* (Nguyễn Sỹ Đoàn) tái hiện quy trình nấu rượu thủ công truyền thống tại làng Phú Lương với gạo nếp ngon, nồi đồng ủ tro rạ nóng, men tự chế và chưng cất kỳ công để tạo ra loại rượu “trong vắt, sủi mắt nhãn”; còn *Giữ lửa chờ xuân* (Lữ Mai) lưu giữ phong tục ngày Tết với mâm cơm sum vầy có món thịt rim nước dừa, bánh xèo và nghi thức tuốt lá đào phai để dành làm thuốc chữa bệnh cho trẻ nhỏ.

Ở chiều biểu tượng, di sản văn hóa được nâng lên thành những hình tượng nghệ thuật mang tầm tư tưởng: bông sen hồng, lá sen già và hương sen ngan ngát tại làng Sen trong *Mùa sen hồng quê Bác* (Vũ Kim Liên) là biểu tượng cho cốt cách thanh cao, nhân hậu của Bác Hồ và tình người xứ Nghệ; những mái ngói rêu phong và đường nét chạm khắc tinh xảo của khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc trong *Nơi giao hòa* (Lương Đình Khoa) là biểu tượng cho chiều sâu tâm linh và văn hiến nghìn năm; bức tranh thêu đàn hạc trắng vút bay và mảnh lụa cũ thêu cảnh mai trong *Sợi thời gian* (Mai Thị Trúc) là biểu tượng cho “sợi thời gian” kết nối tình cảm gia đình và bản sắc nghề truyền thống.

Ở chiều khai thác di sản, tự sự địa phương hướng đến chức năng thực tiễn: *Nơi giao hòa* (Lương Đình Khoa) đề xuất tour du lịch “Dòng chảy Di sản” kết nối làng gốm Chu Đậu với kiến trúc cảng biển và phố cổ để du khách trực tiếp trải nghiệm nặn đất sét và tìm hiểu lịch sử; *Cùng anh về vùng biển thức* (Vũ Thúy Hồng) phát triển tour lặn biển ngắm rạn san hô Cát Bà gắn với rừng quốc gia và lễ hội làng Cá để nâng tầm giá trị Di sản thiên nhiên thế giới; *Mùa sen hồng quê Bác* (Vũ Kim Liên) tổ chức sinh hoạt tại nhà văn hóa làng để các cựu chiến binh kể chuyện chiến trường, giáo dục lòng yêu nước và ý thức bảo vệ độc lập tự do.

Như vậy, di sản văn hóa trong nhóm truyện ngắn này không chỉ được bảo tồn như một ký ức tĩnh, mà còn được tái sinh như một nguồn lực sống động, phản ánh tư duy khế thời - khế xứ trong việc gắn kết truyền thống với nhu cầu phát triển của cộng đồng đương đại.

Kết nối truyền thống với hiện đại là một trong những biểu hiện nổi bật nhất của tư duy khế thời trong truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, thể hiện qua khả năng chuyển hóa di sản văn hóa thành nguồn lực sáng tạo và phát triển trong bối cảnh đương đại.

Ở góc nhìn sản xuất và kinh tế, sự kết nối này không dừng lại ở việc bảo tồn thụ động mà trở thành một hành động sáng tạo chủ động như kỹ thuật thêu tay truyền thống của bà Lụa được tích hợp với kiến thức thiết kế thời trang hiện đại của An để tạo ra thương hiệu “Lụa Lụa” với các phụ kiện ứng dụng như khăn

lụa, túi xách họa tiết sen (*Sợi thời gian* - Mai Thị Trúc), trong khi kinh nghiệm trồng vải lâu đời của người già được nâng tầm bằng công nghệ tưới nhỏ giọt, Blockchain và mã QR truy xuất nguồn gốc (*Chuyện tình vải thiều* - Lương Đình Khoa) cho thấy truyền thống và hiện đại không đối lập mà bổ sung lẫn nhau trong một logic phát triển biện chứng.

Ở phương diện văn hóa và không gian, sự kết nối ấy mang chiều kích sâu hơn khi di sản được tái ngữ cảnh hóa trong môi trường số và đô thị: hình ảnh lao động trên biển và cảnh tuốt lá đào ngày Tết được lan tỏa qua TikTok không chỉ để tiêu thụ đặc sản địa phương mà còn để tái kết nối người trẻ với căn tính quê hương (*Giữ lửa chờ xuân* - Lữ Mai); còn bánh đậu xanh, gỏi Chu Đậu và kiến trúc đình chùa được đưa vào các dự án quy hoạch đô thị như một “ngôn ngữ kiến trúc” đại diện cho thời đại (*Nơi giao hòa* - Lương Đình Khoa).

Như vậy, truyện ngắn Hải Phòng không nhìn truyền thống như một quá khứ cần hoài niệm, mà như một nguồn lực sống động có khả năng tái sinh trong từng hình thức biểu đạt mới, đây chính là biểu hiện cụ thể của tinh thần kế thừa trong tư duy văn hóa đương đại.

Nguyên tắc thích ứng và phù hợp bối cảnh, vận dụng linh hoạt là biểu hiện nổi bật của tư duy Phật học trong truyện ngắn báo điện tử Hải Phòng, được các tác giả chuyển hóa thành chiều sâu nhận thức và hành động của nhân vật thay vì dừng lại ở lớp miêu tả bề mặt.

Ở chiều *khế thời*, các tác phẩm cho thấy nhân vật không thụ động trước sự vận động của thời đại mà chủ động tái định vị bản thân trong dòng chảy lịch sử: người dân làng quê trong *Khát vọng biển* (Vũ Kim Liên) tiếp nhận “chuyển đổi số”, “kinh tế xanh” như những phương tiện mới để hiện thực hóa khát vọng cũ, trong khi *Phép màu sau giông bão* (Vũ Thúy Hồng) đẩy nguyên lý này đến giới hạn khi vận dụng thành tựu y học hiện đại – lưu trữ tinh trùng và thụ tinh ống nghiệm – để hồi sinh mầm sống cho người lính đã hy sinh, biến công nghệ thành phương tiện của lòng từ bi và nghĩa tình hậu chiến.

Ở chiều *khế xứ*, sự phù hợp với không gian văn hóa địa phương được thể hiện không phải qua việc bảo tồn thụ động mà qua năng lực nhận thức sâu sắc về điều kiện tự nhiên và xã hội cụ thể: A Sáy trong *Hạt giống trên núi* (Ninh Lê) ưu tiên cây bản địa có rễ sâu trên triền núi dốc hay sạt lở, còn mô hình “lúa - cá” trong *Mùa gặt tháng Mười* (Ninh Lê) khai thác đúng thế mạnh ruộng bậc thang và nguồn nước địa phương, cả hai đều thể hiện tư duy lấy điều kiện thực tế làm điểm xuất phát của mọi hành động cải tạo.

Ở chiều *khế cơ*, điểm đáng chú ý là các nhân vật không áp đặt giải pháp từ bên ngoài mà điều chỉnh phương thức tác động cho phù hợp với căn cơ tiếp nhận của đối tượng: Thành trong *Chất lính giải phóng* (Nguyễn Sỹ Đoàn) thay thế bài hát “rên rỉ, yếu đuối” bằng giai điệu vui tươi khỏe khoắn phù hợp tâm lý trẻ em, còn cô giáo trong *Hành trình của yêu thương* (Mai Thị Trúc) hướng dẫn học trò tự làm phân hữu cơ và trồng rau sạch thay vì kêu gọi từ thiện – lựa chọn trao năng lực thay vì trao vật chất, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của cộng đồng vùng cao.

Như vậy, ba chiều *khế thời* - *khế xứ* - *khế cơ* vận hành như một hệ thống tư duy thống nhất, trong đó sự linh hoạt không phải là sự thỏa hiệp mà là biểu hiện cao nhất của trí tuệ Phật học khi được “văn học hóa” thành logic hành động của nhân vật trong tự sự địa phương đương đại.

6. Bình luận

Tính giao thoa và thích nghi cao trong văn hóa biển tạo nên sự tương quan chủ yếu với ba nguyên lý *khế cơ*, *khế thời* và *khế xứ*, phản ánh đặc trưng nổi bật nhất của văn học Hải Phòng khi nhìn từ phê bình Phật học. Là đô thị cảng biển với lịch sử tiếp xúc văn hóa lâu dài, Hải Phòng hình thành một cộng đồng cư dân đa tầng, ngư dân, thương nhân, dân nhập cư từ nhiều vùng mà chính sự đa dạng căn cơ đó đòi hỏi văn học địa phương phải linh hoạt trong cách kiến tạo nhân vật và tình huống; chi tiết Vân, cô gái vùng núi Chí Linh là người duy nhất không say sóng giữa đoàn tình nguyện viên Hải Phòng chính gốc trong *Phép màu sau giông bão* (Vũ Thúy Hồng) là một nghịch lý giàu tính *khế cơ*, cho thấy “căn cơ” không gắn liền với xuất thân địa lý mà với năng lực thích ứng nội tâm.

Ở chiều *khế thời*, sự hòa nhập giữa truyền thống và hiện đại được thể hiện qua hình tượng nhân vật An trong *Sợi thời gian* (Mai Thị Trúc), người kết nối nghề thủ công với thiết kế thời trang đương đại, tạo thương hiệu mới từ lụa thủ truyền thống, minh chứng cho khả năng tự làm mới của văn hóa địa phương mà không đánh mất gốc rễ.

Ở chiều *khế xứ*, địa lý khắc nghiệt của vùng ven biển và biên giới trong *Qua mùa bão* (Du Miên) với “đường đất trơn trượt, hai bên là lau lách và những vạt sim tím rụng đầy” không chỉ là bối cảnh mà trở thành điều kiện quy định toàn bộ logic ứng xử của nhân vật, phản ánh nguyên lý duyên khởi: mọi hành động đều phát sinh từ và thích nghi với điều kiện không gian cụ thể.

Như vậy, ba nguyên lý *khế cơ* - *khế thời* - *khế xứ* không vận hành tách biệt mà hội tụ trong một cấu trúc thích nghi thống nhất, tạo nên màu sắc Phật học đặc thù của văn học đất cảng: linh hoạt, khai phóng và luôn bèn rễ vào thực tiễn đời

sống.

Tính cương trực, khẳng khái và trọng nghĩa tình trong con người Hải Phòng tương quan chặt chẽ với khế lý và khế cơ, tạo nên một điểm gặp gỡ đặc thù giữa phẩm chất địa phương và chân lý Phật giáo phổ quát. Xuất phát từ môi trường cảng biển khắc nghiệt, nơi “gió rít lên như tiếng quỷ dữ, xé toạc mái nhà, quật đổ cây cối, mưa như trút nước, biến mọi con đường thành sông” (*Qua mùa bão* - Du Miên), con người Hải Phòng hình thành một tâm lý cộng đồng đặc thù: quyết liệt để tồn tại, trọng nghĩa tình để gắn kết, và sẵn sàng hy sinh bản thân vì cái chung; đây chính là nền tảng để Phật giáo được tiếp nhận tự nhiên qua các giá trị đạo đức gần gũi thay vì giáo lý trừu tượng, thể hiện tính khế cơ sâu sắc.

Ở chiều khế lý, phẩm chất trọng nghĩa tình của người Hải Phòng tương ứng với nguyên lý từ bi khi ông Phước trong *Phép màu sau giông bão* (Vũ Thúy Hồng) khẳng định: “Chúng tôi phải giám định để cháu được nhận họ, nhận hàng, để gia đình tôi có thể làm lễ đón mẹ con cháu về nuôi dưỡng, bù đắp cho những thiệt thòi đã qua”, hành động xuất phát không từ nghĩa vụ pháp lý mà từ tình thương vô điều kiện, phản chiếu chân lý từ bi như một hằng số đạo đức.

Tính vô ngã, không màng lợi ích cá nhân được hiện thân qua nhân vật Hoàng, người “lao mình vào tâm bão trong chiếc áo blouse trắng và tinh thần quả cảm của người lính, không màng hiểm nguy” và cuối cùng hy sinh trong nhiệm vụ cứu hộ (*Phép màu sau giông bão* - Vũ Thúy Hồng), tiêu biểu cho tinh thần Bồ tát đạo được “văn học hóa” thành hành động cụ thể trong bối cảnh hiện đại. Như vậy, tính cương trực và trọng nghĩa tình không chỉ là đặc điểm tính cách vùng miền, mà còn là phương tiện để Phật giáo khế nhập vào đời sống tinh thần Hải Phòng, nơi chân lý phổ quát và tâm lý địa phương hội tụ thành một hệ giá trị thống nhất, bền vững qua thời gian.

Tính phong phú và bảo tồn di sản lễ hội, ẩm thực tương quan rõ nét với khế thời, khế xứ và khế cơ: hệ thống di sản văn hóa Hải Phòng không chỉ được tái hiện như bối cảnh tự sự, mà còn trở thành phương tiện “văn học hóa” giáo lý Phật học vào đời sống địa phương theo ba chiều thích nghi hữu cơ. Ở chiều khế thời, di sản truyền thống không bị xử lý như vật bảo tàng mà được tái cấu trúc trong logic hiện đại: “từng mảnh gốm Chu Đậu mang dấu ấn Hải Dương sẽ được vẽ thêm những họa tiết đặc trưng của kiến trúc cảng biển Hải Phòng, những sản phẩm thủ công mang hồn cốt của đất và biển” (*Nơi giao hòa* - Lương Đình Khoa, 2025), cho thấy sự kết hợp giữa thủ công truyền thống và thiết kế đương đại chính là biểu hiện của tinh thần khế thời trong thực hành văn hóa. Ở chiều khế xứ, lễ hội gắn với địa lý sông nước trở thành không gian chuyển tải tâm thức

Phật giáo một cách tự nhiên: “họ nhẹ nhàng thả hai chiếc đèn xuống dòng nước, chiếc đèn hoa đăng chầm chậm trôi đi, lung linh như những vì sao nhỏ trên mặt nước” (*Nơi giao hòa* - Lương Đình Khoa, 2025), trong đó nghi thức thả đèn trên sông Kinh Thầy vừa gắn với địa lý bản địa, vừa hàm chứa tư tưởng vô thường và buông xả của Phật học.

Ở chiều khế cơ và đây là chiều có chiều sâu tư tưởng đáng chú ý nhất, Phật pháp không được truyền đạt qua giáo lý trừu tượng mà thẩm thấu qua giác quan và đời sống thường nhật: “hương sen tinh khiết ấy như một phép lành, chợt khiến người đàn bà tỉnh ngộ” (*Hương còn vương kẽ tay* - Vũ Thị Huyền Trang, 2025), cho thấy mùi hương, một yếu tố thuộc về ẩm thực - lễ hội - không gian sống có thể dẫn đến giác ngộ hiệu quả hơn bất kỳ lời thuyết giảng nào.

Như vậy, di sản lễ hội và ẩm thực trong truyện ngắn Hải Phòng vận hành như một hệ thống phương tiện thiện xảo, nơi ba nguyên lý khế thời - khế xứ - khế cơ hội tụ để biến Phật pháp thành một phần hữu cơ của đời sống địa phương, thay vì giữ nguyên dạng lý thuyết tôn giáo xa cách.

Phật giáo Hải Phòng trong tự sự địa phương vận hành theo cấu trúc “một thể, ba dụng”, cụ thể là khế lý - chân lý phổ quát về từ bi, vô ngã, vô thường là nền tảng bất biến, trong khi khế cơ, khế thời, khế xứ là ba phương tiện thích nghi linh hoạt làm lộ diện đặc thù Phật giáo của văn học đất cảng. Khế lý không xuất hiện như một phạm trù cần chứng minh là cái bất biến, hiện diện ngầm định xuyên suốt các văn bản như tiền đề đạo đức nền tảng; và chính Giáo hội Phật giáo TP.Hải Phòng, qua hơn 45 năm định hướng đời sống văn hóa - tinh thần cộng đồng, đã kiến tạo nên tầng nền đạo đức đó, biến các giá trị từ bi, vô ngã, nhân quả từ giáo lý nhà chùa thành hệ quy chiếu đạo đức sống động trong tâm thức xã hội, và từ đó in dấu vào tư duy sáng tác của các tác giả địa phương.

Điều cần làm rõ chính là ba phương tiện biến đổi mà Giáo hội đã góp phần định hình: khế cơ giáo hóa qua đời sống cụ thể như ẩm thực, hoa, lễ hội, những sinh hoạt văn hóa cộng đồng mà Giáo hội tham gia tổ chức và trao nghĩa phù hợp căn cơ đa dạng của cư dân cảng biển; khế thời phản ánh khả năng của Phật giáo Hải Phòng trong việc hòa nhập với công nghệ hiện đại, chuyển đổi số, du lịch tâm linh mà không đánh mất giá trị truyền thống, một sự linh hoạt được nuôi dưỡng bởi định hướng nhập thế tích cực của Giáo hội trong bối cảnh đô thị hóa; khế xứ gắn với địa lý sông biển và môi trường khắc nghiệt, định hình kiểu nhân vật cương trực nhưng từ bi, phẩm chất mà Giáo hội đã củng cố qua các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội gắn liền với bản sắc con người đất cảng. Phân tích nhóm các tác phẩm vốn được xếp vào diện “khó liên hệ Phật giáo” cho thấy rằng ngay cả khi không có bất kỳ biểu tượng tôn giáo bề mặt nào, các văn bản

vẫn vận hành theo logic của ba phương tiện thích nghi này minh chứng cho một thực tế quan trọng.

Đó là tác động của Giáo hội Phật giáo Hải Phòng đến đời sống văn hóa , xã hội địa phương đã đạt đến mức độ thấm thấu sâu đến mức các giá trị Phật học không còn cần được gọi tên để hiện diện trong văn học. Điều này xác nhận luận điểm then chốt của nghiên cứu: văn học Hải Phòng không “chứa Phật giáo” như một nội dung được cài đặt, mà thể hiện chân lý phổ quát của khế lý thông qua sự thích nghi sáng tạo với bối cảnh địa phương và chính vai trò kiến tạo môi trường văn hóa lâu dài của Giáo hội Phật giáo Hải Phòng là nhân tố then chốt làm cho sự thích nghi đó trở thành đặc thù không thể lẫn của dòng tự sự đất cảng trong diện mạo Phật giáo đương đại Việt Nam.

7. Kết luận

Tóm lại, kết quả nghiên cứu và bình luận đã làm rõ tính khả thi của hệ thống giả thuyết và phương pháp nghiên cứu. Việc triển khai phê bình liên ngành kết hợp văn hóa học, đạo đức học và dân gian học đã cho phép nghiên cứu tiếp cận đối tượng theo ba phương diện bổ sung lẫn nhau: không gian - thời gian (khế cơ, khế thời, khế xứ), nhân vật (khế lý, khế cơ) và biểu tượng (khế thời, khế xứ, khế cơ), từ đó làm lộ diện quá trình Việt hóa Phật giáo, bảo tồn bản sắc địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa, và sự lan tỏa giáo lý qua hình tượng nhân vật đạo đức cương trực, khẳng khái, trọng nghĩa tình.

Tuy nhiên, hệ thống giả thuyết vẫn còn những giới hạn cần thừa nhận: mô hình “một thể, ba dụng” được vận dụng như khung phân tích chủ đạo nhưng chưa tính đến các trường hợp mà ba phương tiện thích nghi mâu thuẫn hoặc triệt tiêu lẫn nhau trong cùng một văn bản; đồng thời, phương pháp phê bình loại hình và dân gian học, dù hiệu quả trong việc khai thác di sản lễ hội và ẩm thực, vẫn chưa được hệ thống hóa đủ mức để áp dụng nhất quán xuyên suốt toàn bộ phạm vi khảo sát. Những thiếu sót này không làm giảm giá trị của các kết quả đã đạt được, mà ngược lại, chỉ ra hướng hoàn thiện cần thiết cho các nghiên cứu tiếp theo.

Ngoài ra nghiên cứu này xác lập phê bình Phật học như một phương pháp đọc văn học đương đại có hiệu lực thực sự, không giới hạn bởi sự hiện diện hay vắng mặt của biểu tượng tôn giáo bề mặt. Kết quả phân tích nhóm truyện ngắn “khó/chưa liên hệ Phật giáo” đã minh chứng rằng khi được vận dụng như một phương pháp luận thay vì một công cụ truy tìm dấu vết tôn giáo, phê bình Phật học có khả năng khai mở các tầng nghĩa tiềm ẩn trong bất kỳ văn bản nào, khẳng định tính mở và tính phổ quát của phương pháp này trong nghiên cứu

văn học đương đại Việt Nam.

Bên cạnh giá trị phương pháp luận, nghiên cứu còn ghi nhận vai trò không thể thay thế của Giáo hội Phật giáo Tp.Hải Phòng với hơn 45 năm định hướng đời sống văn hóa, tinh thần cộng đồng đã tạo nên một tầng nền đạo đức Phật học thấm thấu sâu vào tư duy sáng tác địa phương đến mức các giá trị từ bi, vô ngã, nhân quả không cần được gọi tên nhưng vẫn hiện diện trong văn học, tư tưởng và đời sống.

Về đóng góp khoa học, bài viết xác lập bản sắc Phật giáo riêng của văn học Hải Phòng, minh họa cách vận dụng phê bình Phật học vào phân tích truyện ngắn báo điện tử, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu liên ngành mới giữa Văn học - Phật học có tiềm năng triển khai trong cả môi trường học thuật lẫn tự viện.

Những giới hạn của nghiên cứu này chính là những tọa độ mở ra cho các hướng khảo sát tiếp theo có chiều sâu và phạm vi rộng hơn. Phạm vi 52 truyện ngắn trên báo điện tử Hải Phòng năm 2025-2026, dù có ưu thế về tính cập nhật, chưa thể đại diện cho toàn bộ diện mạo văn học Hải Phòng hay phản ánh đầy đủ hành trình 45 năm của Phật giáo địa phương đòi hỏi các nghiên cứu tiếp theo mở rộng phạm vi sang tiểu thuyết, ký, phim ảnh và truyền thông số. Mặt khác, phê bình Phật học như một phương pháp luận vẫn cần được hệ thống hóa lý thuyết hoàn chỉnh hơn, vượt ra ngoài dung lượng có thể trình bày trong một bài báo khoa học và đây là nhu cầu cấp thiết cho các công trình lý thuyết chuyên sâu trong tương lai.

Để làm rõ vai trò điều hành và tầm ảnh hưởng của thiết chế Phật giáo đến văn hóa địa phương một cách toàn diện, cần kết hợp phân tích văn bản với các điều tra xã hội học về tác động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP.Hải Phòng hướng tiếp cận liên ngành này hứa hẹn mang lại những đóng góp có giá trị không chỉ cho nghiên cứu văn học mà còn cho chính sách bảo tồn văn hóa và phát triển cộng đồng.

Tác giả: **Nguyễn Thành Trung** - Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM

Ủy viên Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

Frye, N. (1957). *Anatomy of criticism: Four essays*. Princeton University Press.

Gullason, T. H. (1963). *The short story: An underrated art* (University Honors Lecture). University of Rhode Island.

Hall, S. (1980). Encoding/decoding. In S. Hall, D. Hobson, A. Lowe, & P. Willis (Eds.), *Culture, media, language: Working papers in cultural studies, 1972-79* (pp. 128-138). Hutchinson & Centre for Contemporary Cultural Studies, University of Birmingham.

Hall, S. (1997). *Representation: Cultural representations and signifying practices*. Sage Publications & The Open University.

Hoàng Thị Mỹ. (2024). Tìm hiểu giá trị di sản văn hoá biển, đảo Hải Phòng phục vụ dạy học môn Du lịch di sản tại Trường Đại học Hải Phòng. *Tạp chí Khoa học Hải Phòng*, (61), 40-47.

Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng. (1990). *Địa chí Hải Phòng (Tập 1)*. Nhà xuất bản Hải Phòng.

Klein, J. T. (1990). *Interdisciplinarity: History, theory, and practice*. Wayne State University Press.

Klein, J. T. (1996). *Crossing boundaries: Knowledge, disciplinaries, and interdisciplinaries*. University Press of Virginia.

Klein, J. T. (2005). *Humanities, culture, and interdisciplinarity: The changing American academy*. State University of New York Press.

Ngô Đăng Lợi. (2007). Lịch trình Phật giáo xứ Đông và Hải Phòng. *Nghiên cứu Tôn giáo*, (8), 21-29.

Nguyễn Thị Hà Anh. (2010). *Văn hóa biển trong văn hóa dân gian truyền thống Hải Phòng* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Xuân Thành. (2020). Nghệ thuật xây dựng kết cấu giễu nhại ở truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 2000-2015. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 129(6A), 119-130.

Nguyen, T. T. (2021). Tiếp cận 5 bài Di thơ của Hoà thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng Phật giáo Lâm Tế Chúc Thánh. Trong *Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh – Lịch sử hình thành và phát triển* (tr. 650-661). Nhà xuất bản Hồng Đức.

Nguyen, T. T. (2025). The preliminary reception of The Buddha and His Dhamma by Dr. B. R. Ambedkar from a literary perspective. *Ho Chi Minh City*

University of Education Journal of Science, 22(2), 352-362.

Nguyen, T. T. (2026). Buddhist Criticism as a New Literary Criticism Theory and Its Applicability in Contemporary Literary Studies: The Case Study of Short Story Tram Ngan in Comparison with the Ullambaṇa Sūtra. *Intersecta Minds Journal*, 5(1), 28-45.

Nguyen, T. T., & Phramaha Chakrapol Acharashubho Thepa. (2023). Analysis of five deathbed poems by Thich Quang Duc in relation to the Lotus sutra. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(10), 1802-1813.

Nie, Z. (2004). *Introduction to Ethical Literary Criticism* [文学伦理学批评导论]. Peking University Press.

Nie, Z. (2023). *Introduction to Ethical Literary Criticism* (English ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003231899>

Nie, Z., & Wang, S. (Eds.). (2020). *A Study on the Theory of Ethical Literary Criticism* [文学伦理学批评研究]. Peking University Press.

Nussbaum, M. C. (1990). *Love's knowledge: Essays on philosophy and literature*. Oxford University Press.

Nussbaum, M. C. (1995). *Poetic justice: The literary imagination and public life*. Beacon Press.

Patea, V. (2012). *The short story: An overview of the history and evolution of the genre*.

Propp, V. (1968). *Morphology of the folktale* (L. Scott, Trans.; 2nd ed.). University of Texas Press. (Original work published 1928)

Thompson, S. (1955-1958). *Motif-index of folk-literature: A classification of narrative elements in folktales, ballads, myths, fables, mediaeval romances, exempla, fabliaux, jest-books, and local legends* (Rev. ed., Vols. 1-6). Indiana University Press.

Võ Thị Thu Hà, & Đỗ Thị Ngọc Thắng. (2024). Giá trị văn hóa Phật giáo trong di tích và tâm thức người Hải Phòng. *Tạp chí Khoa học Hải Phòng*, (65), 57-72.